

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai
áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Bao gồm Đơn giá và Phụ lục đơn giá chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến công tác đo đạc địa chính và thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai tại Văn phòng Đăng ký đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Trừ trường hợp thực hiện dự án tập trung đã được Nhà nước đầu tư kinh phí).

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về mức thu dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh, đối tượng nộp, danh mục và mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Đơn giá được xây dựng theo mức lương cơ sở 1.390.000 đồng/tháng và đơn giá nhân công lao động phổ thông 205.000 đồng/công cho khu vực nông thôn; 230.000 đồng/công cho khu vực đô thị.

Trong trường hợp mức lương cơ sở của Nhà nước và đơn giá nhân công lao động phổ thông trên địa bàn tỉnh có thay đổi thì các chi phí trong đơn giá được điều chỉnh theo chi phí nhân công lao động kỹ thuật và chi phí nhân công lao động phổ thông điều chỉnh; chi phí nhân công được tính điều chỉnh như sau:

- Chi phí nhân công lao động kỹ thuật:

$$\text{Chi phí nhân công lao động kỹ thuật điều chỉnh} = \text{Chi phí nhân công lao động kỹ thuật đã tính trong đơn giá} \times H$$

Trong đó: $H = \text{Mức lương cơ sở mới} / 1.390.000 \text{ đồng}$

- Chi phí nhân công lao động phổ thông:

+ Đối với khu vực nông thôn:

$$\text{Chi phí nhân công lao động phổ thông điều chỉnh} = \text{Chi phí nhân công lao động phổ thông đã tính trong đơn giá} \times P$$

Trong đó: $P = \text{Tiền công lao động phổ thông mới} / 205.000 \text{ đồng}$

+ Đối với khu vực đô thị:

$$\text{Chi phí nhân công lao động phổ thông điều chỉnh} = \text{Chi phí nhân công lao động phổ thông đã tính trong đơn giá} \times Q$$

Trong đó: $Q = \text{Tiền công lao động phổ thông mới} / 230.000 \text{ đồng}$

Điều 4. Đối tượng miễn, giảm

1. Đối với hộ nghèo: Được giảm 50% đơn giá các sản phẩm dịch vụ về đăng ký cấp giấy chứng nhận.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số: Được giảm 30% các sản phẩm dịch vụ về đăng ký cấp giấy chứng nhận.

3. Đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thay đổi thông tin chứng minh nhân dân trên giấy chứng nhận do cơ quan nhà nước cấp sai:

- Trường hợp chỉnh lý Trang 4 của Giấy chứng nhận: Được miễn thu tiền đơn giá dịch vụ công.

- Trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu in mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Được giảm 50% đơn giá dịch vụ công về đăng ký biến động quyền sử dụng đất (Mục 2.19, Trang 20 của đơn giá).

(Trường hợp hộ gia đình cá nhân thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này thì được áp dụng mức giảm cao nhất).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Công khai đơn giá tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử của Sở để các tổ chức, các nhân biết, thực hiện;

- Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết cho phù hợp.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh: Xác định cụ thể các nội dung, phân công việc do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện để tính thu dịch vụ công nhưng không vượt quá đơn giá được ban hành tại Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Công khai đơn giá tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử để các tổ chức, các nhân biết, thực hiện.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018 và thay thế Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lct*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT, TM, TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Nguyễn Đức Chính